

Số: 98/2024/QĐST-DS

Thành phố Bến Tre, ngày 27 tháng 9 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

**Với thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Trần Văn Hưng

2. Bà: Nguyễn Thị Bé Em

Căn cứ vào Điều 212, 213, 235 và Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 19/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2024.

**XÉT THẤY**

Tại phiên toà nguyên đơn là chị Đặng Thị Y và người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn là ông Nguyễn Văn T đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thoả thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái điều cấm của luật và đạo đức xã hội.

**QUYẾT ĐỊNH**

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

+ Nguyên đơn: **Đặng Thị Y**, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Số D, ấp C, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư **Nguyễn Văn T1** – Văn phòng luật sư Nguyễn Văn T1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh B.

+ Bị đơn: **Nguyễn Thị Thanh T2**, sinh năm: 1998.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1974.

Cùng địa chỉ: Số C, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre là người đại diện theo uỷ quyền của bà T2.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Đặng Thị Y và bà Nguyễn Thị Thanh T2 thống nhất phần đất đang tranh chấp có diện tích là 10,8m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm (ký hiệu theo hồ sơ đo đạc ngày 21/5/2024: Thửa 319B, diện tích 5,5m<sup>2</sup>; Thửa 320B, diện tích 5,3m<sup>2</sup>) thuộc một phần thửa số 319, 320 cùng tờ bản đồ 9-3 do bà Đặng Thị Y đứng tên quyền sử dụng đất tại xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Trên đất có một phần nhà, công trình kiến trúc hiện do bà Nguyễn Thị Thanh T2 đang quản lý, sử dụng.

2.2. Bà Đặng Thị Y và bà Nguyễn Thị Thanh T2 thống nhất xác định ranh giới giữa thửa đất số 319, 320 và thửa 318, tờ bản đồ số 9-3, tọa lạc tại xã S, thành phố B,

tỉnh Bến Tre là đường ranh theo hiện trạng sử dụng (ký hiệu theo hồ sơ đo đạc của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B ngày 21/5/2024, từ điểm số 9 qua điểm số 10 đến điểm số 4).

2.3. Bà Nguyễn Thị Thanh T2 được trọn quyền quản lý, sử dụng phần đất, nhà, công trình kiến trúc trên đất theo đo đạc thực tế có diện tích là 10,8m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm (ký hiệu theo hồ sơ đo đạc ngày 21/5/2024: Thửa 319B, diện tích 5,5m<sup>2</sup>; Thửa 320B, diện tích 5,3m<sup>2</sup>) thuộc một phần thửa đất số 319, 320 cùng tờ bản đồ 9-3 do bà Đặng Thị Y đứng tên quyền sử dụng đất tại xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Trên đất có một phần nhà, công trình kiến trúc (ký hiệu theo hồ sơ đo đạc ngày 21/5/2024 gồm: Thửa G2, diện tích 2,4m<sup>2</sup>; Thửa T2, diện tích 2,2m<sup>2</sup> và thửa G3, diện tích 5,5m<sup>2</sup>) hiện do bà Nguyễn Thị Thanh T2 đang quản lý, sử dụng.

2.4. Bà Nguyễn Thị Thanh T2 có nghĩa vụ trả cho bà Đặng Thị Y giá trị quyền sử dụng của phần đất nêu trên tương ứng với số tiền là: 75.600.000 đồng (*Bảy mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, khi có đơn yêu cầu thi hành án của bà Y nếu bà T2 chưa trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 319B, diện tích 5,5m<sup>2</sup> và thửa 320B, diện tích 5,3m<sup>2</sup> cùng tờ bản đồ 9-3 tại xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ bà Đặng Thị Y đứng tên quyền sử dụng đất sang bà Nguyễn Thị Thanh T2 đứng tên quyền sử dụng đất.

Bà Đặng Thị Y và bà Nguyễn Thị Thanh T2 có quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh lại diện tích và hồ sơ kỹ thuật thửa đất theo ranh giới đã được xác định theo quy định của pháp luật.

*(Phần đất có thể hiện theo hồ sơ đo đạc của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B ngày 21/5/2024 kèm theo)*

2.5. Ghi nhận việc bà Y và bà T2 không có tranh chấp hay yêu cầu giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất đối với những chủ sử dụng đất liền kề khác.

2.6. Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc, định giá và chi phí thu thập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số tiền là 15.232.950 đồng. Bà Nguyễn Thị Thanh T2 tự nguyện chịu số tiền là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*), bà Đặng Thị Y tự nguyện chịu số tiền là 5.232.950 đồng (*Năm triệu hai trăm ba mươi hai nghìn chín trăm năm mươi đồng*). Ghi nhận bà Y đã nộp xong. Do bà Y đã tạm ứng số tiền trên nên bà T2 có nghĩa vụ trả lại cho bà Y số tiền là 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*).

2.7. Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Bà Đặng Thị Y tự nguyện chịu số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Do bà Y đã nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 đồng theo biên lai số 0000964 ngày 05/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre nên được khấu trừ. Bà Y đã nộp xong án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND TP. Bến Tre;
- Chi cục THADS TP. Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHAN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thúy Hằng**